TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK** -----***-----	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2019/DS-ST
Ngày 28 - 11 - 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Đình Long**
2. Ông **Nguyễn Văn Lam**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thùy Dung** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2019/TLST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ, địa chỉ: 25 – T – phường P – quận H – thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật, ông Lê Văn T – chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện được ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 101754/2019/UQ-SeABank ngày 19/7/2019):

1. Ông Đặng P – Chức vụ: Giám đốc tố tụng xử lý nợ miền Trung - Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: 373 – N – quận T – thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông Lưu Việt A – Chuyên viên cao cấp tố tụng XLN miền Trung - Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: 42 – Y – phường V – thành phố N – tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Chí S – Chuyên viên xử lý nợ địa bàn miền Trung - Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: 32 – Q – phường T – thành phố B – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Hồng S, bà Hồ Thị Phương T.

Địa chỉ: tổ 1 – tổ dân phố 4 – thị trấn K - huyện K - tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 19/7/2019 và bản tự khai vào ngày 29/8/2019, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Chí S trình bày: Ngày 21/9/2018, ông Phạm Hồng S và bà Hồ Thị Phương T ký hợp đồng tín dụng từng lần số X4352/12/2018/HĐTD-ĐL (và các phụ lục kèm theo) với Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) – Chi nhánh Đắk Lắk vay số tiền 650.000.000 đồng, thời gian vay 72 tháng (từ ngày 21/9/2018 đến 21/9/2024), mục đích vay mua xe ô tô phục vụ kinh doanh. Lãi suất ban đầu là 9,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu, từ tháng 13 trở đi được xác định = lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 14 tháng lĩnh lãi cuối kỳ + biên độ không thấp hơn 4,2%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, áp dụng với dư nợ gốc quá hạn, và bằng 10%/năm áp dụng đối với dư nợ lãi chậm trả. Phương thức trả nợ gốc chia làm 72 kỳ (01tháng/kỳ), trong đó 71 kỳ đầu mỗi tháng trả 9.050.000 đồng, kỳ cuối trả 7.450.000 đồng. Trả lãi hàng tháng vào ngày 25. SeABank Đắk Lắk đã giải ngân đủ số tiền 650.000.000 đồng cho khách hàng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông S và bà T đã dùng tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại Outlander màu trắng, số khung GF2MJ1000999, số máy YS58384B11, biển số 47A-243.47 theo giấy chứng nhận đăng ký số 046904 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/9/2018. Tài sản nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số X1700/2018/HĐTC-ĐL ngày 21/9/2018 và đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 21/9/2018.

Quá trình trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông S và bà T đã vi phạm nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc, lãi. Quá hạn nợ vay kể từ ngày 25/02/2019 đến nay là 184 ngày. Kể từ khi giải ngân, khách hàng chỉ trả được 58.349.992 đồng, trong đó gốc là 37.633.784 đồng + lãi là 20.716.208 đồng. Tính đến ngày 28/8/2019 thì ông S và bà T còn nợ SeABank số tiền 648.240.361 đồng, trong đó nợ gốc 612.366.216 đồng + nợ lãi 35.874.145 đồng.

Nay SeABank đề nghị ông S, bà T phải trả cho SeABank số tiền nợ tính đến ngày 28/8/2019 là 648.240.361 đồng, trong đó nợ gốc 612.366.216 đồng + nợ lãi 35.874.145 đồng. Ông S, bà T phải tiếp tục trả cho SeABank nợ lãi tính theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng từng lần (và các phụ lục kèm theo) và các khoản phí, phạt quy định tại hợp đồng tín dụng nêu trên phát sinh tiếp từ ngày 29/8/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Nếu ông S, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho SeABank thì sau khi bản án có hiệu lực, SeABank sẽ yêu cầu thi hành án kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại Outlander màu trắng, số khung GF2MJ1000999, số máy YS58384B11, biển số 47A-243.47 để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thu nợ thì ông S, bà T phải tiếp tục thanh toán số tiền còn lại cho đến khi trả nợ xong.

- Bị đơn ông Phạm Hồng S, bà Hồ Thị Phương T vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đối với ông S, bà T nhưng đương sự đều vắng mặt. Do vậy Tòa án không thu thập được chứng cứ đối với ông S, bà T và không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, đề nghị ông Phạm Hồng S và bà Hồ Thị Phương T phải hoàn trả số nợ gốc là 612.366.216 đồng và lãi suất tính đến ngày 28/11/2019 là 55.674.741 đồng, tổng cộng 668.040.957 đồng. Ông S, bà T phải tiếp tục trả cho SeABank nợ lãi tính theo lãi suất quy định tại Hợp

đồng tín dụng từng lần (và các phụ lục kèm theo) và các khoản phí, phạt quy định tại hợp đồng tín dụng nêu trên phát sinh tiếp từ ngày 29/11/2019 cho đến khi trả hết nợ. Nếu không trả hoặc trả không đủ thì SeABank sẽ xử lý tài sản đã thế chấp là chiếc xe ô tô như trên theo thủ tục thi hành án để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ đúng pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng cũng như việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia phiên tòa đều đảm bảo, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông Phạm Hồng S, bà Hồ Thị Phương T phải trả cho SeABank số nợ gốc là 612.366.216 đồng và lãi suất tính đến ngày 28/11/2019 là 55.674.741 đồng, tổng cộng 668.040.957 đồng. Về lãi suất chậm trả được tính từ ngày 29/11/2019 đến khi thanh toán xong số nợ tiếp tục được tính theo lãi suất đã thỏa thuận như hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp khi ông S, bà T trả xong các khoản nợ cho SeABank thì ngân hàng phải trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046904 cấp ngày 19/9/2019 cho ông S, bà T. Nếu không trả hoặc trả không đủ thì SeABank sẽ xử lý tài sản đã thế chấp là chiếc xe ô tô như trên theo thủ tục thi hành án để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền đã tạm ứng.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 31/7/2019, Toà án nhân dân huyện Krông Năng nhận đơn khởi kiện của SeABank về việc yêu cầu ông Phạm Hồng S, bà Hồ Thị Phương T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng từng lần số X4352/12/2018/HĐTD-ĐL (và các phụ lục kèm theo) ngày 21/9/2018. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng), được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Hồng S và bà Hồ Thị Phương T có nơi cư trú tại tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

[1.3] Bị đơn ông Phạm Hồng S, bà Hồ Thị Phương T mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục hợp lệ là tống đạt, gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Ngày 21/9/2018, ông Phạm Hồng S và bà Hồ Thị Phương T ký hợp đồng tín dụng từng lần số X4352/12/2018/HĐTD-ĐL (và các phụ lục kèm theo) với SeABank – Chi nhánh Đắk Lắk vay số tiền 650.000.000 đồng, thời gian vay 72 tháng (từ

ngày 21/9/2018 đến 21/9/2024), mục đích vay mua xe ô tô phục vụ kinh doanh. Lãi suất trong hạn, quá hạn được tính theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Phương thức trả nợ gốc chia làm 72 kỳ (01tháng/kỳ), trả lãi hàng tháng vào ngày 25. SeABank Đắk Lắk đã giải ngân đủ số tiền 650.000.000 đồng cho khách hàng. Hợp đồng tín dụng đã được ký kết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật và các bên phải thực hiện. Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ là hợp pháp để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S và bà T đã trả được 58.349.992 đồng (trong đó gốc là 37.633.784 đồng + lãi là 20.716.208 đồng). Từ ngày 25/02/2019 đến nay, ông S và bà T không trả nợ theo như cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc + nợ lãi định kỳ mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần. Khoản nợ gốc của ông S, bà T đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/02/2019, lỗi hoàn toàn thuộc về ông S, bà T. Ngân hàng yêu cầu ông S, bà T phải hoàn trả số tiền nợ gốc còn lại là 612.366.216 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Về tiền nợ lãi: Khi ký kết hợp đồng, các bên thỏa thuận lãi suất ban đầu là 9,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu, từ tháng 13 trở đi được xác định = lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 14 tháng lĩnh lãi cuối kỳ + biên độ không thấp hơn 4,2%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, áp dụng với dư nợ gốc quá hạn, và bằng 10%/năm áp dụng đối với dư nợ lãi chậm trả. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Ông Nguyễn Hồng S, bà Hồ Thị Phương T đã trả được lãi trong hạn tính đến ngày 24/02/2019 là 20.716.208 đồng. Từ ngày 25/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/11/2019), ông Sơn và bà Thảo phải chịu lãi suất quá hạn như đã thỏa thuận và phải có trách nhiệm trả số tiền lãi 55.674.741 đồng cho Ngân hàng. Ông S, bà T phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng từng lần số X4352/12/2018/HĐTD-ĐL (và các phụ lục kèm theo) ngày 21/9/2018 kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi trả hết nợ.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số X1700/2018/HĐTC-ĐL ngày 21/9/2018 đã được chứng thực và đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 21/9/2018 là hợp pháp.

Trường hợp ông Phạm Hồng S, bà Hồ Thị Phương T thanh toán hết khoản nợ trên cho SeABank thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046904 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ông Phạm Hồng S ngày 19/9/2018 cho ông S, bà T.

Nếu ông S, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho SeABank thì sau khi bản án có hiệu lực, SeABank có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại Outlander màu trắng, số khung GF2MJ1000999, số máy YS58384B11, biển số 47A-243.47 để thu hồi nợ.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, cụ thể: 20.000.000 đồng + (4% x 268.040.957 đồng) = 30.721.600 đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 299, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

1.2. Buộc ông Phạm Hồng S, bà Hồ Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 668.040.957 đồng (trong đó nợ gốc 612.366.216 đồng + nợ lãi tính đến ngày 28/11/2019 là 55.674.741 đồng).

Kể từ ngày 29/11/2019, ông S và bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần số X4352/12/2018/HĐTD-ĐL (và các phụ lục kèm theo) ngày 21/9/2018, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

1.3. Trường hợp ông Phạm Hồng S, bà Hồ Thị Phương T thanh toán hết khoản nợ trên cho SeABank thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046904 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ông Phạm Hồng S ngày 19/9/2018 cho ông S, bà T.

1.4. Trường hợp ông S, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho SeABank thì sau khi bản án có hiệu lực, SeABank có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại Outlander màu trắng, số khung GF2MJ1000999, số máy YS58384B11, biển số 47A-243.47 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ông Phạm Hồng S và bà Hồ Thị Phương T phải chịu 30.721.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ 14.822.000 đồng (do ông Nguyễn Chí S nộp) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002561ngày 14/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS Krông Năng;*
- *Các đương sự;*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

- Lưu HSVA, VPTA.

Trần Cảnh Toàn